

# Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Những tác động từ truyền thống và hiện tại

Đỗ Đức Minh\*, Trịnh Thị Dung

*Ban Thanh tra và Pháp chế, ĐHQGHN, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 15 tháng 7 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 8 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 09 tháng 9 năm 2016

**Tóm tắt:** Bài viết khái quát sự hình thành và phát triển quan điểm, tư tưởng về Nhà nước pháp quyền Việt Nam Xã hội chủ nghĩa; phân tích, làm rõ những tác động của truyền thống và hiện tại và đề xuất một số giải pháp góp phần đẩy nhanh tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

*Từ khóa:* Nhà nước pháp quyền, Xã hội chủ nghĩa, Truyền thống, Hiện tại.

## 1. Sự hình thành tư tưởng và phát triển quan điểm về Nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa

Là một giá trị hình thành sớm trong lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý, tư tưởng Nhà nước pháp quyền (viết tắt là NNPQ) đã được nhân loại thử nghiệm, chọn lọc qua nhiều thế kỷ, ngày càng được bổ sung nội hàm mới phát triển thành học thuyết. Đến thời đại cách mạng tư sản mô hình NNPQ đã trở thành hiện thực ở nhiều nước phương Tây và là hình thức phổ biến trong thế giới đương đại. Tư tưởng về NNPQ đối lập với sự chuyên quyền, độc đoán, áp bức Nhân dân của các chế độ đương thời, thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa một bên là NNPQ (dựa vào pháp luật để hành động) và một bên là xã hội công dân (bình đẳng trong việc chấp hành pháp luật). Những yếu tố trung tâm, cốt lõi lịch sử của ý tưởng về NNPQ là: sự thượng tôn pháp luật, bảo vệ nhân quyền và

phân quyền (không có quyền lực độc đoán, phân lập các quyền lực nhà nước theo các chức năng hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp) và bình đẳng trong việc tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội (viết tắt là QLNN, QLXH)<sup>1</sup>. Qua từng thời kỳ tư tưởng đó có những bước tiến mới thể hiện sự phát triển tư duy nhân loại về trình độ tổ chức QLXH, phản ánh nguyện vọng khát khao của con người sinh ra vốn có quyền tự do, bình đẳng; có quyền làm chủ bản thân và làm chủ đời sống xã hội.

Với tư cách là học thuyết về tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước, tinh hoa của nhân loại có nguồn gốc từ thời cổ đại, NNPQ có thể được áp dụng ở các nước trên cơ sở những nét đặc trưng về văn hóa, chính trị, tư tưởng - pháp lý, truyền thống dân tộc. Ngày nay, không ai có thể phủ nhận được vai trò, chức năng to lớn của mô hình NNPQ trong quá trình phát triển của từng quốc gia - dân tộc. Xây dựng NNPQ được coi là

\*ĐT.: 84-4-37547670

Email: minhdd@vnu.edu.vn

<sup>1</sup>Dưới góc độ quản lý, Nhà nước pháp quyền là *nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật*; trong đó, các cá nhân, tập thể, tổ chức và cơ quan công quyền đều phải tuân thủ pháp luật.

“chìa khóa” để giải quyết nhiều vấn đề cốt yếu liên quan đến đời sống chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội - an ninh - quốc phòng của các quốc gia - dân tộc hiện nay. “ Tư tưởng và học thuyết NNPQ hiện đại của phương Tây được truyền bá vào Việt Nam từ khi Nguyễn Ái Quốc, người sáng lập ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, tiên hành cuộc đấu tranh nhằm vạch trần và lên án chế độ cai trị hà khắc, tàn bạo, phi nhân tính, phi pháp quyền của Chính phủ Pháp tại thuộc địa Việt Nam” [1]. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là người khởi xướng những quan điểm về NNPQ của dân, do dân, vì dân gắn với quá trình xây dựng và phát triển của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Hiến pháp năm 1946 đã thể hiện tinh thần xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Nhưng ngay sau khi giành được độc lập, nước ta lại rơi vào hoàn cảnh chiến tranh, đồng thời do nhận thức khác nhau cùng với những định kiến sai lầm trong quan niệm về pháp quyền, đồng nhất một cách máy móc NNPQ với nhà nước tư sản nên đến trước khi tiến hành công cuộc đổi mới, các tư tưởng, học thuyết và nguyên tắc pháp quyền vẫn chưa được quan tâm nghiên cứu kịp thời và đầy đủ.

Qua thực tiễn tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thấy rõ sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện QLNN theo hướng NNPQ. Từ đó, đã có những bước tiến quan trọng trong việc sửa đổi Hiến pháp 1980 và ban hành Hiến pháp 1992. Tuy nhiên, Hiến pháp 1992 vẫn chưa sử dụng thuật ngữ “Nhà nước pháp quyền” (Rule of law) mà phải đến Hội nghị đại biểu Đảng toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 01/1994) và sau đó là Hội nghị Trung ương 8 khóa VII (tháng 01/1995) thì quan điểm và nội dung xây dựng NNPQ mới chính thức được xác lập. Việc nghiên cứu, tìm tòi để tiếp cận khái niệm NNPQ được đặt ra như một yêu cầu bức thiết để cung cấp luận cứ khoa học cho việc hình thành và hoàn thiện các quan điểm cơ bản về NNPQ Việt Nam XHCN. Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng, công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa XHCN

Việt Nam đã có những tiến bộ quan trọng; từng bước phát triển hệ thống quan điểm, nguyên tắc cơ bản về xây dựng NNPQ XHCN của dân, do dân, vì dân. Tại Đại hội lần thứ VIII (7/1996), Đảng Cộng sản Việt Nam một lần nữa khẳng định 5 quan điểm cơ bản về cải cách BMNN của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa VII), đó là: 1/ Xây dựng Nhà nước XHCN của dân, do dân và vì dân; lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của Nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hoạt động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và Nhân dân. 2/ Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. 3/ Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước. 4/ Tăng cường pháp chế XHCN, xây dựng NNPQ Việt Nam. Quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức. 5/ Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đến Đại hội lần thứ IX (4/2001), Đảng ta tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng NNPQ XHCN của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng và chỉ rõ “Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật” [2, tr.131-132]. Với việc lần đầu tiên đưa ra quan niệm về NNPQ “là hệ thống những quan điểm, tư tưởng đề cao pháp luật, pháp chế trong tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước và trong đời sống xã hội. Nhà nước pháp quyền là nhà nước quản lý xã hội theo pháp luật” [3, tr.64]; Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đánh dấu một bước phát triển về tư duy của Đảng về NNPQ XHCN. Tại Đại hội lần thứ X, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định: “Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa. Cần xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc tất

cả quyền lực nhà nước đều thuộc về Nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng và hoàn thiện thể chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến và hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền”[4, tr.45]. Kế thừa và phát triển quan điểm về xây dựng NNPQ XHCN Việt Nam, Nghị quyết Đại hội lần thứ XI khẳng định: “Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nhà nước phục vụ Nhân dân, gắn bó mật thiết với Nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của Nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của Nhân dân. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương”[5, tr.85]. Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước cộng hòa XHCN hiện nay dựa trên những quan điểm và đặc trưng cơ bản của NNPQ; nâng cao năng lực quản lý và điều hành của Nhà nước theo pháp luật, tăng cường pháp chế XHCN và kỷ luật, kỷ cương. Trong đó, nội dung đầu tiên là xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật (viết tắt là HTPL) bắt đầu từ Hiến pháp và khẳng định tính tối thượng của pháp luật. Pháp luật là công cụ quản lý chủ yếu của

Nhà nước, mọi cơ quan tổ chức, cá nhân đều phải tuân thủ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật, nếu vi phạm pháp luật đều bị xử lý theo pháp luật. Từ yêu cầu xây dựng và hoàn thiện NNPQ XHCN, Đại hội Đảng lần thứ XI (tháng 01/2011) đã bổ sung nội dung kiểm soát quyền lực vào thành một yếu tố mới của cơ chế quyền lực nhà nước ở nước ta; làm sâu sắc thêm nhận thức về xây dựng NNPQ XHCN. Tiếp theo, Nghị quyết Đại hội XII của Đảng (tháng 01/2016) đã bổ sung, hoàn thiện một bước quan trọng và cơ bản quan điểm và thể chế về NNPQ XHCN<sup>2</sup>. Đồng thời, thể chế hóa các quan điểm của Đảng ta về xây dựng NNPQ XHCN trong 3 thập kỷ tiến hành đổi mới, Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “1/ Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; 2/ Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; 3/ Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp” (Điều 2). Nhìn lại quá trình xây dựng NNPQ XHCN trong những năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận định: Xây dựng NNPQ XHCN tại Việt Nam là một tất yếu khách quan, công tác xây dựng NNPQ XHCN trong thời gian qua đã đạt được những thành tựu nhất định, “việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh, hiệu lực và hiệu quả hoạt động được nâng lên”[6, tr.159] và “nhận thức của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng NNPQ XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân có bước phát triển”. Tuy nhiên, “xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa và Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội chuyển biến chậm”[2, tr.6].

<sup>2</sup>Như: xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu...

Tóm lại, từ nhận thức lý luận, tiếp thu có chọn lọc các giá trị phổ biến của NNPQ nói chung và từ thực tiễn lãnh đạo quá trình xây dựng NNPQ XHCN Việt Nam (thông qua các văn kiện Đại hội của Đảng) có thể khái quát những đặc trưng cơ bản sau đây: 1/ Nhà nước pháp quyền XHCN là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về Nhân dân. 2/ Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. 3/ Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật, pháp luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ xã hội. 4/ Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, tăng cường kỷ cương, kỷ luật. 5/ Nhà nước pháp quyền XHCN do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo<sup>3</sup>. Do được xây dựng trên một cơ sở lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội và giai cấp khác với các hình thái kinh tế trước đây nên NNPQ XHCN có những đặc trưng riêng so với các NNPQ trong các hình thái kinh tế - xã hội khác.

<sup>3</sup> Khái niệm NNPQ Việt Nam XHCN được hiểu bao gồm các yếu tố: quyền làm chủ của Nhân dân; thượng tôn hiến pháp và pháp luật; tôn trọng, bảo vệ nhân quyền; quyền lực nhà nước thống nhất, có sự phân công và phối hợp kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; Đảng cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đồng thời, sự khác biệt giữa quan niệm về NNPQ Việt Nam XHCN với nhận thức chung về NNPQ trên thế giới được thể hiện ở hai yếu tố cơ bản: quyền lực nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc tập trung và chế độ chính trị XHCN. Ngoài ra, việc hình thành quan điểm NNPQ XHCN cũng bị chi phối của các yếu tố, như: Hệ tư tưởng giai cấp công nhân, cơ cấu giai cấp, các giá trị hiện thực của CNXH về dân chủ, quyền lực thuộc về Nhân dân, chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, chủ nghĩa tập thể...

## 2. Những tác động của truyền thống đến xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam Xã hội chủ nghĩa

Truyền thống là “tập hợp những tư tưởng và tình cảm, những thói quen trong tư duy, lối sống mà ứng xử của một cộng đồng nhất định được hình thành trong lịch sử và trở nên ổn định, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác... Truyền thống cũng được hiểu là những hiện tượng văn hoá - xã hội được bảo tồn trong đời sống xã hội và có thể được chuyển giao từ thế hệ này qua thế hệ khác.... Tính cộng đồng, tính ổn định và tính lưu truyền là những đặc trưng, những thuộc tính của truyền thống”[7]. Ngày nay, công cuộc xây dựng NNPQ XHCN của Việt Nam đã và đang chịu ảnh hưởng, tác động của những truyền thống sau đây:

### 2.1. Truyền thống đề cao vai trò của đạo đức, tập quán và ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo

Từ ngàn xưa văn hóa dân tộc Việt Nam là một bộ phận của văn hóa phương Đông, tính căn cước dân tộc và nền văn minh Việt Nam gắn liền với căn cước phương Đông với đặc trưng chung là sự hòa trộn giữa bản sắc riêng của dân tộc với đạo lý của Nho giáo. Xã hội phương Đông với kết cấu kinh tế là những công xã nông thôn bảo thủ và hệ tư tưởng Nho giáo đề cao lễ nghĩa, coi nhẹ luật pháp, trọng tình hơn lý ... chiếm địa vị thống trị tư tưởng trong suốt thời kỳ phong kiến và tạo ra truyền thống cai trị bằng *đức* với chủ nghĩa *duy tình* (còn phương Tây là *pháp trị* và *duy lý*). Tư tưởng tôn trọng gốc gác nơi đất mẹ thiên nhiên và cội nguồn huyết thống của người phương Đông đã dẫn đến một ý thức thuần phục gần như tuyệt đối đối với tôn ti trật tự đã được thiết lập trong chính trị và tôn giáo. Trong thần thoại phương Đông, thế lực thần thánh được phát huy tuyệt đối quyền hành, tôn ti trật tự được tuân thủ nghiêm ngặt. Trong các hiện tượng xã hội, người ta luôn luôn thấy cái nền tảng chắc như tạc lệ - tức những tư tưởng, hành vi lâu ngày được mọi người thừa nhận. Tục lệ là quyền uy đứng sau ngai vàng và sau pháp luật, là “vị tài

phán tối cao trong đời sống con người” và được coi trọng. Tôn giáo giúp sức thêm cho tục lệ, bảo ai không theo tục lệ thì bị Thượng đế trừng phạt; khi các thói quen của tổ tiên hợp với ý muốn của thần linh thì tục lệ sẽ vô cùng mạnh hơn luật pháp và hạn chế gắt gao những tự do thời nguyên thủy. Các tục lệ duy trì các giá trị cộng đồng, tạo cho xã hội một sự ổn định, trật tự cả trong khi thay đổi luật pháp và trong khi không có luật pháp thành văn.

Một trong những nét nổi bật của tư tưởng chính trị phương Đông cổ đại là đặt các quy phạm đạo đức lên rất cao, coi đạo đức là cái căn bản chi phối sự vận hành các quan hệ xã hội - nhà nước và pháp luật [8, tr.13-14]. Và kết quả của sự dung hòa đạo Khổng với học thuyết thực tiễn Pháp gia đã làm nổi bật địa vị đạo đức luân lý trong địa hạt pháp luật của phương Đông (ở đó những quy phạm pháp luật là những quy phạm luân lý Nho giáo, tín ngưỡng hay thuyết Mệnh trời). Đặc biệt, *đường lối Đức trị của Khổng Tử đã thống trị trong xã hội phong kiến Á Đông hàng nghìn năm lịch sử đã ảnh hưởng sâu sắc đến kết cấu văn hóa, đặc tính tâm lý và luân lý của người Trung Quốc, đồng thời tạo nên một truyền thống lớn của văn hóa khu vực*. Những ảnh hưởng lâu dài, thâm căn, bảo thủ của Nho gia đối với hành pháp, tư pháp và ngưng đọng trong tâm lý một số nước trong khu vực, trở thành thói quen nhận thức và tư duy pháp luật đặc trưng phương Đông. Nhìn chung, các quy định pháp luật được áp dụng chính thức vẫn chưa thấm được qua chiếc khiên của đạo Khổng.

*Từ thế kỷ thứ X trở đi, Nho giáo có nguồn gốc Trung Hoa nhưng đã trở thành vũ khí để người Việt Nam chống lại sự xâm lược và đồng hóa, đồng thời nó cũng được các triều đại phong kiến Việt Nam sử dụng để tổ chức QLXH và xây dựng nhà nước độc lập, vì sự phát triển của dân tộc*<sup>4</sup>. Với bề dày lịch sử thâm căn, tư tưởng Nho giáo đã thấm sâu vào đời sống tinh

thần và trở thành một bộ phận quan trọng của truyền thống văn hóa dân tộc. Hơn 1000 năm tồn tại và phát triển của chế độ phong kiến Việt Nam là thực tế khẳng định tính hiệu quả những chuẩn mực của Nho giáo trong việc xác lập và duy trì kỷ cương xã hội. Cùng với bảo vệ quyền lực tuyệt đối của nhà vua và triều đình, các Bộ luật phong kiến Việt Nam phản ánh rõ nét bản chất là công cụ bảo vệ lợi ích giai cấp thống trị, bóc lột và đàn áp các giai cấp đối địch; được thể hiện ở nhiều quy định bất bình đẳng và bất công, như: bảo vệ những nguồn thu nhập và bóc lột của nhà nước, củng cố cơ sở kinh tế tập quyền, bộ máy quan liêu; đề cao quyền lực và thứ bậc xã hội; bảo vệ lợi ích của giai cấp địa chủ phong kiến, đặc quyền, đặc lợi của quan lại và tầng lớp quý tộc quan liêu; bảo vệ sự bất bình đẳng giữa vợ và chồng, quy định khắt khe đối với người phụ nữ...

Cũng do ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo (nhất là Tống Nho), sự khắt khe của pháp luật phong kiến cũng như lệ tục của làng xã cổ truyền, nên vị trí và vai trò của người phụ nữ trong xã hội rất mờ nhạt, bị đối xử bất bình đẳng so với nam giới. Các quan niệm *trọng nam khinh nữ*, *đạo tam tông* đã buộc chặt người phụ nữ vào những khuôn phép khắc nghiệt vô hình và chịu nhiều bất hạnh. Từ khi chế độ phong kiến tập quyền thành lập thì Khổng học trở nên độc tôn thì ngày càng quay về xu hướng bảo thủ, lạc hậu, xa rời thực tế. Theo quan niệm của Nho giáo, ngoài thiên tử là con trời, còn tể tướng trở xuống đều là thần dân, là một đám đông vô danh và câm lặng cũng như đất đai, họ chỉ là tài sản thuộc quyền sở hữu của thiên tử. Trong đêm trường tăm tối của chế độ chuyên chế phương Đông - thần dân không phải là chủ thể của xã hội vì họ không phải và chưa bao giờ là chủ thể của quyền lực, hay là chủ sở hữu của tư liệu sản xuất, vì thế họ không phải là những cá nhân cụ thể xác định. Người dân dưới chế độ chuyên chế có thân phận thần dân, họ được xác định là ở trong một xã hội có chủ và bản thân họ là người bị sở hữu. Nhìn chung, dưới chế độ quân chủ chuyên chế phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng, yếu tố dân chủ, tư tưởng tự do hầu như không được biểu hiện. Tự do là

<sup>4</sup>Lưu ý: Nho giáo du nhập vào Việt Nam không còn là Nho giáo nguyên thủy mà đã được cải biến phù hợp với truyền thống dân tộc và nhu cầu của đất nước để trở thành nhân tố của chính nền văn hóa và hệ tư tưởng thống trị ở Việt Nam.

một trong những thứ xa xỉ mà sự bình yên tặng mọi người, cũng như các quyền của con người không phải do thiên nhiên ban tặng mà là những đặc ân cộng đồng tặng cho mỗi cá nhân vì lợi ích chung.

*Tóm lại*, trải qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước đã hun đúc nên nhiều truyền thống tốt đẹp của dân tộc (như: truyền thống đoàn kết dân tộc, truyền thống yêu nước thương nòi, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau...). Tuy nhiên, là đất nước đã trải qua hàng ngàn năm chế độ phong kiến, gần 100 năm dưới chế độ thuộc địa, lại tập trung vào cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và đang trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên CNXH. Vì vậy, tư tưởng phong kiến còn ảnh hưởng rất sâu đậm trong xã hội cũng như nhận thức, kinh nghiệm xây dựng HTPL và QLXH theo pháp luật của nước ta còn nhiều yếu kém. Bên cạnh luật lệ do địa phương làng xã đặt ra và được ghi chép trong hương ước, con người với tư cách cá nhân còn bị ràng buộc bởi những phong tục, tập quán, lễ thói khá nặng nề. Hành vi, cử chỉ của con người thường gắn bó chặt chẽ với những thang bảng của giá trị đạo đức xã hội hơn là với luật lệ. Trên thực tế, người dân tôn trọng đạo đức hơn tôn trọng pháp luật. Với tư cách là những tàn dư xã hội, những yếu tố trên đã và đang tác động, ảnh hưởng tiêu cực (thậm chí trở thành những lực cản) của quá khứ đè nặng lên tiến trình xây dựng NNQP Việt Nam XHCN.

## 2.2. Truyền thống pháp điển hóa, đề cao vai trò của pháp luật

Bước vào thời kỳ độc lập tự chủ (từ thế kỷ XI đến giữa thế kỷ XIX), các nhà nước quân chủ phong kiến Việt Nam đã nhận thức được vai trò của luật pháp với tư cách là phương tiện hàng đầu để QLXH và đã đạt được những tiến bộ trong xây dựng, phát triển pháp luật. *Hình thư* (nhà Lý), *Quốc triều điều luật* (nhà Trần), *Quốc triều hình luật* (Bộ luật Hồng Đức - nhà Lê) và *Hoàng Việt luật lệ* (Bộ luật Gia Long - nhà Nguyễn) là những thành tựu pháp luật tiêu biểu. “Có thể coi mỗi bộ luật cổ là một tác phẩm văn hóa pháp luật của dân tộc ta, trong đó chứa đựng những giá trị, chuẩn mực pháp luật

phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước và nhiều quy định pháp luật vẫn còn giá trị tham khảo trong giai đoạn hiện nay”<sup>5</sup>. Trong đó, Luật Hồng Đức là thành tựu có giá trị đặc biệt quan trọng trong lịch sử pháp luật Việt Nam, được thế giới ngày nay đánh giá cao, ngang tầm các bộ luật cổ điển ở phương Đông. Những bộ luật thời phong kiến đã cho thấy ở mức độ nhất định những giá trị kiến thức đáng khâm phục của cha ông đối với việc QLXH, đó là những kinh nghiệm về sự kết hợp Pháp trị với Đức trị trong đạo trị quốc, an dân; mối quan hệ giữa pháp luật với phong tục, tập quán; về tổ chức hợp lý bộ máy nhà nước (BMNN) trung ương tập quyền đến cải cách hành chính ở địa phương; về thực hiện chế độ quan lại dựa trên nguyên tắc đề cao phẩm hạnh, đạo đức, chú trọng tài ba, trí tuệ, học vấn; về đấu tranh chống cơ chế hành chính quan liêu, duy trì kỷ cương và trật tự trị an xã hội, quản lý làng xã; phát triển văn hóa, giáo dục và xây dựng nền nếp gia đình ... Trên các lĩnh vực đất đai, kinh tế, tài nguyên, con người; cha ông đã để lại những bài học quý về tinh thần trách nhiệm và nghệ thuật quản lý lãnh thổ, dân cư và dân số, bố trí các địa điểm sản xuất và buôn bán, thu thuế các loại, kiểm soát ngoại thương, bảo vệ và phát triển sản xuất nông nghiệp, thuần phong mỹ tục... Đặc biệt, *lệ làng* trở thành nguồn luật đặc thù để *bổ sung* luật pháp quốc gia, giúp luật nước thống nhất và trở thành yếu tố nét độc đáo của truyền thống văn hóa chính trị - pháp lý Việt Nam.

Điều đó cho thấy sự tiến bộ trong nhận thức của các nhà nước phong kiến (cụ thể là những người đứng đầu) về vai trò của pháp luật đối với việc quản lý, điều hành đất nước. Việc điều hành QLXH của ông cha ta cũng có những nét riêng (không phải lúc nào cũng chịu ảnh hưởng của Trung Quốc), đã để lại những di sản trong tổ chức và điều hành xã hội, từ điều hành bằng

<sup>5</sup>TS Trần Hồng Thúy, TS Ngô Văn Nhân: *Tìm hiểu tư tưởng văn hóa pháp luật trong lịch sử pháp luật Việt Nam*. [http://phapluatphattrien.vn/tim-hieu-tu-tuong-van-hoa-phap-luat-trong-lich-su-phap-luat-viet-nam\\_n58325\\_g737.aspx](http://phapluatphattrien.vn/tim-hieu-tu-tuong-van-hoa-phap-luat-trong-lich-su-phap-luat-viet-nam_n58325_g737.aspx)

đạo đức đến điều hành bằng pháp luật. Cho dù có những hạn chế lịch sử, nhưng các nhà nước phong kiến đã để lại cho hậu thế một di sản pháp luật khá đồ sộ và có nhiều giá trị; đã thể hiện rõ nét, đậm đà bản sắc dân tộc và tính Nhân dân, sự sáng tạo lớn của truyền thống lập pháp phong kiến Việt Nam từ phương diện hình thức cũng như nội dung. Dưới các triều đại tiền bộ, tư tưởng và truyền thống dân tộc được phản ánh trong hoạt động lập pháp của nhà nước và thể hiện qua một số chế định cụ thể. Nhiều điều luật từ các phương diện cụ thể đã phản ánh được tình hình đặc thù trong nước và thực tế xã hội Việt Nam. Phương pháp và trình độ lập pháp khá tiến bộ thể hiện qua hình thức của bộ luật được giới nghiên cứu trong và ngoài nước đánh giá cao với những yếu tố đặc sắc về kỹ thuật lập pháp từ cơ cấu bộ luật đến cách thể hiện về mặt hình thức, quy định rõ ràng, cụ thể từng hành vi, chế tài xử phạt. Các bộ luật được ban hành để phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành quốc gia đã phát huy tác dụng trong xã hội đương thời. Phạm vi điều chỉnh của pháp luật bao gồm những lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội của xã hội dân sự chứ không chỉ phát triển luật hình sự. Về nội dung, bộ luật thể hiện được các tính chất tiến bộ, duy lý, nhân đạo và truyền thống. Với những tư tưởng lập pháp rất gần với tư tưởng pháp luật hiện đại, đã khẳng định những giá trị to lớn của Quốc triều hình luật như là một phương tiện, công cụ hữu hiệu để nhà nước cai trị và QLXH. *Nghiên cứu các pháp luật phong kiến Việt Nam, chúng ta có thể tham khảo, vận dụng một số kinh nghiệm về kỹ thuật lập pháp* để hoàn thiện hệ thống pháp luật (HTPL). Đồng thời, qua chiều dài chế độ phong kiến, thực tiễn lịch sử dân tộc cũng xuất hiện các tư tưởng quản lý độc đáo Việt Nam. “Bất chấp các thiếu sót và tính phức tạp của nó, người Việt Nam hãnh diện cho rằng họ không những đã có pháp quyền trong thời cổ xưa mà còn có cả sự tôn trọng nhân quyền ở mức độ cao mà pháp quyền là cơ sở”[9, tr.636]. Ngày nay, những di sản tư tưởng và văn hóa pháp luật mà các thế hệ ông cha đã dành nhiều công sức và trí tuệ để tạo dựng, chứa đựng những giá trị văn hóa pháp luật tốt đẹp, mang đậm bản sắc

văn hóa dân tộc cần được nhận diện sâu sắc và được củng cố, giữ gìn và phát huy giá trị trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN; thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

### 2.3. Những hạn chế của tư duy quản lý truyền thống

Là quốc gia nằm trong khu vực Đông Nam Á, nền văn hóa lâu đời của dân tộc Việt Nam có nhiều nét tương đồng với nhiều nước trong khu vực với những giá trị tinh thần tượng trưng cho văn hóa phương Đông. Nhìn vào lịch sử hàng nghìn năm, nền văn hóa truyền thống của người Việt Nam trên những mặt căn bản Đức trị và Pháp trị đã hình thành một hằng số văn hóa được bản sắc hóa trên tập hợp các yếu tố: đề cao lợi ích, ý thức trách nhiệm và sự tu dưỡng đạo đức cá nhân; hòa quyền lợi ích cá nhân và tập thể, coi trọng lợi ích lâu dài, phúc lợi và công bằng xã hội; phát huy tinh thần cộng đồng làng xã, dân tộc... Có một vấn đề đặc biệt trong lịch sử Việt Nam là pháp luật thành văn lần đầu tiên được áp dụng trên đất Việt lại do chính quyền đô hộ Trung Hoa áp đặt. Vì vậy, dưới con mắt người Việt, luật pháp - một sản phẩm của xã hội văn minh, lại là công cụ nô dịch, áp bức và đồng hoá của những kẻ ngoại bang. Ý thức chống đối pháp luật xuất hiện ngay từ những buổi đầu và phát triển ngày càng mạnh mẽ và kéo dài trong suốt hơn một nghìn năm thời kỳ Bắc thuộc. Truyền thống coi tục lệ (những định chế phi quan phương) là luật còn luật pháp của nhà nước là cái đối lập với mình để tìm mọi cách lẩn tránh hoặc chống đối đã được hình thành trong thời kỳ Bắc thuộc. Các chính quyền độc lập sau này khi xây dựng pháp luật đã lường tính khả năng để pháp luật được dân chúng tôn trọng và thi hành thì phải luôn chú ý tới tính chất dung hoà giữa luật và tục. Đưa tục lệ vào pháp luật chính thống với các định chế phi quan phương là một đặc điểm quan trọng trong lịch sử pháp luật Việt Nam. Một vấn đề nổi lên là mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng: trong truyền thống do lịch sử để lại, quan hệ và lợi ích cộng đồng mang tính chi phối và bao trùm tất cả. Cá nhân chỉ được tôn

trọng và bảo vệ khi tự ghép mình trong cộng đồng, tuân thủ nghiêm ngặt luật tục với nhiều đẳng cấp và cấp độ cộng đồng chồng xếp lên nhau. Con người cá nhân chưa bao giờ được coi là thực thể độc lập với quyền tồn tại và phát triển nhân cách của mình. Do sự phát triển của nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn của Nho giáo, nên không phải pháp luật mà là đạo đức và phong tục, tập quán đóng vai trò thống trị trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội. Qua các chế độ phong kiến, thực dân, NDLD là người thực thi pháp luật nhưng chưa phải là tác giả của luật pháp; luật pháp cũ chỉ có lợi cho thực dân phong kiến. Mặt khác, tính cộng đồng (họ hàng, làng xóm, nghề nghiệp...) cũng thường tạo nên cách xử lý nặng về tình và nhẹ về lý (truyền thống đặt lý thấp hơn tình) cũng như pháp luật phong kiến (và cả pháp luật tư sản sau này) cho phép dựa vào đạo đức để che giấu bản chất giai cấp. Tư tưởng tôn ti, trật tự xã hội đẳng cấp nặng nề, phi dân chủ, thiếu pháp luật và pháp luật chưa nghiêm... là những khuyết tật phổ biến, hạn chế lớn đã và đang in đậm trong tâm lý, thói quen và cách nghĩ, cách làm người Việt Nam cũng như triết lý “có lý, có tình” như một tổng kết trong quản lý có lúc, có nơi không thể không mâu thuẫn với pháp chế, với lý tính. Tâm lý dân tộc từ ngàn năm nay gây không ít khó khăn để hình thành và phát triển một tinh thần pháp quyền trong xã hội. “Ở xã hội ta, cá nhân chìm đắm ở trong gia tộc cho nên nhất thiết các luân lý đạo đức, chế độ văn vật, chính trị và pháp luật đều lấy gia tộc chủ nghĩa làm gốc” [10, tr.382]. “Có thể dễ dàng nhận thấy sự thiếu hụt trong lịch sử hệ thống chính trị Việt Nam là tính chất pháp quyền của bộ máy nhà nước. Chúng ta chưa từng có một xã hội công dân trong lịch sử” [11, tr.83]. Mặt khác, bên cạnh những ưu trội của tính cách Việt Nam như thông minh, cần cù, sáng tạo, tinh thần tự tôn dân tộc và cởi mở, hòa hợp, hữu nghị,... cũng bộc lộ những hạn chế, sở đoản như tính thiếu kế hoạch, chấp vá, đôi khi tùy tiện, thiếu tổ chức kỷ luật, chưa có tâm lý tôn trọng pháp luật. “Tính đến nay, ba hằng số lớn của lịch sử dân tộc: kinh tế nông nghiệp, cư dân nông dân, xã hội nông thôn vẫn

là những chỉ số quan trọng để nhận diện người Việt Nam. Trên nền tảng hiện thực của nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, tư tưởng tiểu nông là sản phẩm tất yếu của nền sản xuất nhỏ phân tán, manh mún, tùy tiện, thiếu kỷ luật. Cơ sở kinh tế riêng lẻ và ý thức tư tưởng phong kiến không cho phép quần chúng lao động, nhất là nông dân một lối suy nghĩ độc lập, đường lối chính trị riêng, tiến bộ. Những tập quán và thói quen sản xuất hàng hóa đã không chiếm được chỗ đáng tin cậy trong nếp nghĩ và hành động của người nông dân. Do đó, *những căn tính nông dân, những đặc trưng của một xã hội nông nghiệp có ảnh hưởng rất lớn đến tất cả mọi truyền thống Việt Nam*” [11, tr.14]. Ngày nay, các tàn dư tư tưởng và lễ thói phong kiến tiểu nông vẫn tồn tại, đặc biệt là hai căn bệnh *gia trưởng* và *thói tự do vô kỷ luật* đã và đang cản trở quá trình đi lên sản xuất lớn, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng NNQP XHCN. Và mặc dù đã ban hành bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà ngay từ những ngày đầu thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân (11/1946) - một vết tích lịch sử Hiến pháp đầu tiên trong cõi Á Đông nhưng cho đến hôm nay, chúng ta vẫn chưa xây dựng được một tinh thần thượng tôn, một cơ chế bảo vệ Hiến pháp hữu hiệu. Đồng thời, quá trình hình thành, phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam trong thời kỳ xây dựng CNXH trước đây cũng để lại nhiều bài học sâu sắc về nhận thức vai trò của pháp luật trong quản lý xã hội. “Trong quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa, về mặt khoa học, trong một thời gian khá dài chúng ta đã coi nhẹ pháp lý, coi nó như một môn “khoa học tư sản”. Còn trong thực tế, do chúng ta phải đấu tranh lâu dài bảo vệ miền Bắc, giải pháp miền Nam, thống nhất đất nước - một cuộc đấu tranh vô cùng gay go, phức tạp, nên có lúc, có nơi pháp luật đã bị buông lỏng. Cơ chế quan liêu, bao cấp tồn tại lâu dài cộng với tệ vô chính phủ từ bên dưới đã gây tác hại không nhỏ tới tinh thần pháp luật. Có nơi, cái tàn bạo, dã man đã tạm thời lấn át cái văn minh, văn hiến đã xây đắp được từ nghìn đời. Nhân quyền và dân quyền có lúc bị vi phạm tới mức ít ai lường tới được” [12, tr.144].



### 3. Tác động của những yếu tố hiện tại tới sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa

#### 3.1. Bước chuyển đổi cách mạng về cơ chế quản lý xã hội trong tiến trình đổi mới

Ba mươi năm qua, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo được triển khai thắng lợi. Trên phương diện quản lý kinh tế, đổi mới là quá trình chuyển đổi từ cơ chế quan liêu bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường (viết tắt là KTTT) định hướng XHCN; từ nền kinh tế hiện vật tự cung tự cấp, khép kín sang nền kinh tế mở với sự thâm nhập của công nghệ hiện đại ngày càng tăng; từ chỗ Nhà nước độc quyền quản lý sang kết hợp giữa Nhà nước và thị trường. Cùng với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước ta cũng coi trọng và từng bước đổi mới hệ thống chính trị (viết tắt là HTCT) đồng bộ, phù hợp và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều quyết định cải cách trên lĩnh vực xây dựng nhà nước và pháp luật làm cơ sở cho đổi mới HTCT và hoạt động của BMNN, xây dựng và hoàn thiện hệ HTPL. Chúng ta cũng thực hiện có kết quả một số cải cách quan trọng nhằm đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị theo hướng phân định rõ chức năng và giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa Đảng - Nhà nước - Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Nhân dân; đổi mới và chỉnh đốn Đảng, từng bước làm rõ nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng cầm quyền để củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả “sự lãnh đạo chính trị của giai cấp vô sản”. Xây dựng NNPQ XHCN được đẩy mạnh, hiệu lực hiệu quả hoạt động được nâng lên. Việc đổi mới, kiện toàn phương thức hoạt động của cơ quan nhà nước được triển khai theo hướng tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính nhà nước. Cải cách tư pháp được triển khai chủ động và tích cực, đạt được kết quả bước đầu quan trọng. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được quan tâm chỉ đạo, triển khai tích cực các nhiệm vụ, giải pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham

nhũng, góp phần hạn chế các vụ việc mới phát sinh; chỉ đạo giải quyết về cơ bản các vụ việc tồn đọng. Nhà nước cũng có nhiều chủ trương, giải pháp, văn bản quy phạm pháp luật nhằm hoàn thiện cơ chế và đổi mới công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Mục tiêu xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ Nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam XHCN từng bước được hiện thực hóa.

Phát triển KTTT định hướng XHCN cần phải đề cao pháp luật, kỷ cương để đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất từ một khung pháp lý hoàn thiện, duy trì được sự hợp tác trong cạnh tranh, bảo đảm nền kinh tế phát triển đúng định hướng và yêu cầu QLXH. Trong quá trình đổi mới, tư tưởng dùng pháp luật để QLXH, QLNN được khẳng định và đề cao; vai trò của pháp luật được ghi nhận: “Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế XHCN. Quản lý xã hội bằng pháp luật đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức” [13, tr.45]. Nhà nước đã ban hành các hiến pháp (Hiến pháp năm 1992, sửa đổi bổ sung năm 2001; Hiến pháp năm 2013 và nhiều luật thể chế hóa đường lối của Đảng, tạo khuôn khổ pháp lý và thúc đẩy quá trình đổi mới. Hệ thống pháp luật từng bước được xây dựng, hoàn thiện, góp phần quan trọng vào việc phát triển, hoàn thiện nền KTTT định hướng XHCN, đổi mới HTCT và tạo môi trường pháp lý cho hội nhập quốc tế (viết tắt là HNQT). Trên các lĩnh vực: tổ chức và hoạt động của BMNN, kinh tế, xã hội; giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ; văn hóa; hợp tác quốc tế; an ninh quốc phòng; trật tự an toàn xã hội; hành chính; tư pháp hình sự,... pháp luật đều có những đổi mới tích cực theo hướng đáp ứng các yêu cầu của xây dựng NNPQ XHCN. Môi trường pháp lý cho phát triển KTTT định hướng XHCN, chế độ sở hữu và các hình thức sở hữu, địa vị pháp lý của các chủ thể kinh tế, các cơ chế khuyến khích và bảo đảm đầu tư, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội được xác lập về mặt pháp lý. Nhiều quy định điều chỉnh các quan hệ dân sự, kinh tế, lao động, thương mại và hoạt động của các doanh nghiệp nhằm giảm thiểu sự can

thiệp của các cơ quan nhà nước bằng các biện pháp hành chính và cơ chế xin - cho; chế độ nhà nước độc quyền ngoại thương được xóa bỏ; nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh từng bước được xác lập. Nhà nước cũng đã ký kết, gia nhập nhiều điều ước quốc tế phục vụ chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động HNQT. Trong quá trình lãnh đạo đổi mới toàn diện đất nước, Đảng và Nhà nước ta ngày càng thấy rõ: để có CNXH phải phát triển nền KTTT định hướng XHCN; đẩy mạnh CNH, HĐH; dân chủ hóa mọi mặt đời sống xã hội; xây dựng NNPQ XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; chủ động HNQT. Nhà nước ta đã quản lý, điều hành xã hội bằng pháp luật và đang từng bước sửa đổi, bổ sung hoàn thiện HTPL.

### 3.2. Những vấn đề đặt ra trong quản lý xã hội

Bên cạnh những thành tựu là cơ bản, sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước trong 30 năm qua cũng đặt ra những thách thức đòi hỏi Đảng, Nhà nước Việt Nam quan tâm khắc phục, như:

*a/ Một số tồn tại trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý*

Trong những năm đầu đổi mới, việc quản lý xã hội trong điều kiện chuyển sang nền KTTT định hướng XHCN chưa được quan tâm thích đáng. “Nguyên nhân của nhiều vấn đề nhức nhối hiện nay không chỉ do kinh tế kém phát triển, mà còn do chúng ta buông lỏng lãnh đạo và quản lý, chưa quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội”[14]. Trong những năm đầu triển khai đổi mới, việc QLXH trong điều kiện chuyển sang nền KTTT định hướng XHCN chưa được quan tâm thích đáng; còn nhiều vấn đề kinh tế - xã hội tồn tại từ lâu và mới nảy sinh cần được giải quyết tích cực và hiệu quả. Xây dựng NNPQ XHCN chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế và quản lý đất nước. Trong bước ngoặt chuyển đổi, cơ chế QLXH mới đang hình thành, phát triển nhưng chưa hoàn thiện. Hệ thống quản lý hành chính, trật tự và đạo đức xã hội, xây dựng nền dân chủ và phát huy sức sáng

tao trong Nhân dân còn nhiều tồn tại, hạn chế. Hệ thống chính sách, pháp luật, các công cụ quản lý chưa đạt hiệu quả cao. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước chưa ngang tầm, chưa phát huy hết năng lực quản lý và hiệu lực điều hành của BMNN. Bộ máy nhà nước còn chồng chéo, nhiều khâu trung gian trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; bất cập về trình độ, năng lực quản lý, kiến thức nghề nghiệp. Tổ chức và hoạt động còn nặng nề, chưa phân định tốt trách nhiệm, quyền hạn, sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan quyền lực; chưa đảm bảo tính độc lập tương đối của các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; mối quan hệ phân cấp giữa trung ương và địa phương còn một số mặt chưa cụ thể. Quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực: đầu tư, giao thông, môi trường, đất đai, kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục - đào tạo còn nhiều hạn chế và có phần bị buông lỏng, chưa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ mới; chưa phát huy đầy đủ mặt tích cực và hạn chế được tính tự phát, tiêu cực của kinh tế thị trường. Mặc dù có nhiều nỗ lực đổi mới và cải cách nhưng tổ chức và hoạt động của hệ thống hành pháp còn nhiều nhược điểm, nhiều mặt chưa đáp ứng và theo kịp yêu cầu phát triển của đất nước. Bộ máy nhà nước chưa thật sự trong sạch, vững mạnh; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng, chưa được ngăn chặn, hiệu lực quản lý điều hành chưa nghiêm; kỷ cương xã hội bị buông lỏng có khả năng làm lu mờ bản chất tốt đẹp của chế độ, làm giảm lòng tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước. Mục tiêu xây dựng hệ thống chính trị trên cơ sở vừa củng cố vừa đổi mới để phát huy dân chủ, bảo đảm quyền lực của nhân dân lao động trong hiện thực còn nhiều hạn chế, bất cập. Việc kiện toàn tổ chức bộ máy và công tác cán bộ, vấn đề *trật tự* và *kỷ luật* đang là mặt yếu kém của HTCT nước ta.

*b/ Hệ thống pháp luật còn nhiều bất cập, hiệu quả quản lý chưa cao*

Xây dựng NNPQ đòi hỏi có một HTPL hoàn chỉnh trên các lĩnh vực cơ bản của cuộc sống làm tiền đề để QLXH bằng pháp luật. Tuy

nhiên, HTPL nước ta vẫn chưa đồng bộ, thiếu thống nhất; tính công khai, minh bạch còn hạn chế, tính khả thi thấp. Nội dung của pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học - công nghệ, môi trường, an ninh - quốc phòng, đối ngoại còn chưa chứa đựng đầy đủ các yếu tố “phát triển bền vững”<sup>(6)</sup>. Nhìn chung, công tác xây dựng và hoàn thiện HTPL của nước ta vẫn trong giai đoạn đầu, còn phải tiếp tục và thường xuyên hoàn thiện để pháp luật đáp ứng được sự phát triển của đời sống xã hội và nhu cầu tăng cường QLNN. Nhiều lĩnh vực bức xúc của đời sống xã hội vẫn chưa có luật mà điều chỉnh chủ yếu bằng văn bản dưới luật, thậm chí chưa có văn bản dưới luật điều chỉnh. HTPL nước ta vẫn chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, tính khả thi thấp, chệch đi vào cuộc sống. HTPL hiện hành chưa theo kịp và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cho việc xây dựng NNPQ XHCN của dân, do dân và vì dân; bảo vệ các quyền tự do của con người, của công dân, cho quá trình HNQT và khu vực của nước ta. Trong nhiều lĩnh vực đời sống xã hội, còn tình trạng vừa thiếu dân chủ vừa lỏng lẻo kỷ cương: vẫn có nơi, có lúc có biểu hiện coi thường pháp luật; một bộ phận những người có trách nhiệm giữ gìn pháp luật lại vi phạm pháp luật. Tình hình tội phạm vẫn diễn biến phức tạp, xuất hiện nhiều thủ đoạn phạm tội mới tinh vi và cuộc đấu tranh chống vi phạm pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Hiệu lực của pháp luật chưa được phát huy đầy đủ, hiệu quả trên các lĩnh vực quản lý. Quản lý xã hội bằng pháp luật của nhà nước còn bộc lộ không ít khuyết điểm, yếu kém; chưa ngang tầm với nhiệm vụ của thời kỳ đổi mới và chưa đáp ứng yêu cầu hiện tại. Pháp luật chưa khẳng định mạnh mẽ vai trò là công cụ đặc lực của nhà nước để QLXH, bảo vệ quyền làm chủ của Nhân dân và đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật đang

trở thành nhiệm vụ quan trọng, cấp bách nhằm đáp ứng yêu cầu QLNN trong cơ chế thị trường và Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm. Sự lạc hậu và những bất cập trong xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật đã tạo ra kẽ hở trong sản xuất, kinh doanh và các mặt hoạt động khác của HTCT, làm nảy sinh những hiện tượng tiêu cực và vi phạm pháp luật và phần nào làm giảm hiệu quả QLNN.

*c/ Tác động mặt trái của cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế*

Ngoài những hạn chế nêu trên, công cuộc đổi mới còn gặp những lực cản khách quan lớn như: mặt trái của cơ chế thị trường, tệ quan liêu và tham nhũng trong HTCT, những ảnh hưởng tàn dư của tư tưởng phong kiến, tư sản. Bên cạnh các thành tựu chủ yếu và những tác động tích cực như: góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội, làm cho đời sống Nhân dân đỡ khó khăn, mở hướng đi lên tốt đẹp hơn...; kinh tế thị trường cũng hàm chứa cả những mặt tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội, là nơi phát sinh nhiều tệ nạn xã hội, tác động không nhỏ đến sự biến đổi của đạo đức theo chiều hướng xấu. Cơ chế thị trường đề cao giá trị của đồng tiền đã tác động mạnh đến các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, đạo đức của xã hội. Thực tế cho thấy có nhiều mâu thuẫn giữa phát triển vật chất và suy thoái tinh thần, giữa kinh tế và đạo đức văn hóa xã hội. “Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích cá nhân”, chủ nghĩa tôn thờ vật chất, KTTT đã và đang đẩy con người vào “vòng xoáy” của lợi nhuận, nảy sinh lối tư duy thực dụng, “kích thích” tính phi đạo lý, kiểu làm ăn gian dối, bất chấp dư luận xã hội, chà đạp lên luân lý, luật pháp, làm sai lệch các chuẩn mực đạo đức và làm đảo lộn bậc thang giá trị xã hội. Đồng thời, trong quá trình hội nhập quốc tế (HNQT), mở rộng hợp tác và giao lưu văn hóa với các nước, chúng ta tiếp thu được nhiều thành tựu văn minh nhân loại, làm phong phú nền văn hóa dân tộc; song cũng bị ảnh hưởng của sự du nhập ngoại lai không lành mạnh, tạo ra những tác động tiêu cực đến tư tưởng, đạo đức, lối sống của không ít người,

<sup>6</sup>*Phát triển bền vững* (Sustainable Development) là sự phát triển nhằm đáp ứng được nhu cầu hiện tại và bảo đảm không làm tổn thương khả năng đáp ứng đời đời của thế hệ tương lai.

trong đó có cả cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ<sup>7</sup>. Đây là yếu tố góp phần gia tăng các tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật, là vấn đề nhức nhối của toàn xã hội.

#### 4. Các giải pháp phát huy những tác động tích cực, khắc phục những tác động tiêu cực của truyền thống và hiện tại đối với sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam Xã hội chủ nghĩa

Một là, Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam đã cho thấy, việc kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống có vai trò vô cùng quan trọng trong việc góp phần đưa đất nước phát triển. Tuy nhiên, truyền thống luôn hàm chứa cả mặt tích cực và tiêu cực đối với sự phát triển hiện tại bởi lẽ: truyền thống đem theo cả *di sản lẫn di căn*. Việc nghiên cứu làm rõ những sự tác động tích cực và tiêu cực của truyền thống đối với thực tiễn chính trị - pháp lý đương đại là một nhiệm vụ quan trọng để từ đó phát huy mặt tích cực và khắc phục mặt tiêu cực của các giá trị truyền thống; góp phần tích cực thúc đẩy tiến trình xây dựng, hoàn thiện NNPQ XHCN. Là hiện tượng mang tính văn hóa - xã hội của các quốc gia, luật pháp cũng mang tính truyền thống sâu sắc, là kết tinh trí tuệ, tâm hồn và nguồn sáng tạo của dân tộc. Vì vậy, cần nghiên cứu, tìm trong di sản tinh thần của người xưa những giá trị văn hóa pháp lý mang tính nhân loại, triết lý sống mang tính nhân văn sâu sắc, những giá trị đạo đức, pháp luật phổ quát để phát huy trong đời sống xã hội hiện đại nhằm xây dựng cuộc sống hòa bình, cộng đồng nhân ái, xã hội phát triển hài hòa, bền vững... Xây dựng NNPQ trên cơ sở của văn hóa phương Đông, văn hóa dân tộc Việt Nam nên phải vừa kế thừa những tư tưởng tiên bộ của nhân loại đồng thời phải chú ý đến đặc

<sup>7</sup>Đó là: những biểu hiện dao động về tư tưởng, những lệch lạc trong lựa chọn giá trị, tiếp nhận một cách tự phát những lối sống, thị hiếu phương Tây; chủ nghĩa cá nhân cực đoan có xu hướng phát triển, những thói hư, tật xấu có cơ hội trỗi dậy...

điểm riêng của dân tộc - những giá trị cơ bản truyền thống, giữ vai trò rất lớn trong việc quyết định đối với xây dựng NNPQ XHCN. Là hiện tượng có liên hệ với cội nguồn truyền thống nên tiến trình đổi mới, xây dựng và hoàn thiện NNPQ XHCN cũng đặt ra nhiều vấn đề cần phải được nghiên cứu thiết kế phù hợp với đặc điểm, truyền thống dân tộc và trình độ phát triển của xã hội; xem xét một cách khách quan những di sản văn hóa của cha ông trong việc điều hành và QLXH, khắc phục những tàn dư tiêu cực bảo thủ, phát huy những nhân tố tích cực tiên bộ phù hợp với mục tiêu, yêu cầu xây dựng NNPQ XHCN. Bởi lẽ: “Luật pháp và các định chế của nó luôn bước song hành với sự tiến bộ của tâm thức nhân loại. Khi yếu tố tâm thức ấy được phát triển và khai sáng đến một mức độ cao hơn, khi các phát kiến tân kỳ được hình thành, khi các chân lý mới mẻ được phơi lộ, và khi tập quán và các quan điểm nhìn nhận đổi thay cùng với sự thay đổi của hoàn cảnh, thì các định chế đó cũng phải tiến bộ để bước cùng một nhịp với thời đại. Có thể nào chúng ta buộc con người tiếp tục khoác chiếc áo mà anh ta đã từng bận thuê còn bé...”<sup>8</sup>. Đồng thời, “nếu trong xã hội cũ “tập quán và truyền thống cuối cùng được thừa nhận như pháp luật thành văn” thì ngày nay phải đưa pháp luật thành văn có cơ sở khoa học vào thay thế cho “tập quán và truyền thống cuối cùng được thừa nhận như pháp luật” [12, tr.145]. Đặc biệt, phải gắn với việc bảo tồn, phát huy các giá trị và bản sắc văn hóa dân tộc, kết hợp truyền thống - hiện đại trong quản lý bao hàm cả *xây dựng và cải tạo, gạt bỏ kế thừa và phát huy trên tinh thần đổi mới; khắc phục những lực cản về tư tưởng, tâm lý, tập quán thói quen của quá khứ đối với sự phát triển, phù hợp yêu cầu của đất nước và thời đại* để tạo nên sự gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn trong QLXH, góp phần đẩy nhanh tiến trình xây dựng NNPQ XHCN Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Hai là, Thực tiễn 30 năm đổi mới đã chỉ ra nhà nước phải được tổ chức và hoạt động trên

<sup>8</sup>Phát biểu của Tổng thống Hoa Kỳ Thomas Jefferson trong lá thư gửi Samuel Kercheval ngày 12/7/1816.

ơ sở Hiến pháp, pháp luật; khẳng định vị trí, vai trò của pháp luật trong quản lý nhà nước, bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp trong đời sống xã hội. Phát huy dân chủ XHCN, sức mạnh của khoa học kỹ thuật và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời chủ động hội nhập quốc tế; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và xã hội, giữa lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần. Hiện nay, công cuộc xây dựng NNQP XHCN hướng tới mục tiêu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm cho luật pháp thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng và quyền lực của dân, thực sự là công cụ bảo vệ được các quyền con người và quyền công dân; đảm bảo luật pháp chiếm vị trí tối thượng trong hoạt động của Nhà nước và trong đời sống xã hội, Nhà nước quản lý, điều hành bằng pháp luật. Trọng tâm của đổi mới tư duy pháp lý trong thời kỳ đổi mới chính là yêu cầu nâng cao vai trò điều chỉnh xã hội của pháp luật, pháp luật phải là một “phương tiện hùng mạnh” để nhân dân thực hiện quyền làm chủ, là công cụ đấu tranh chống tiêu cực và bảo vệ nền dân chủ XHCN. Đặc biệt, “kế thừa truyền thống cha ông, chúng ta cần xây dựng và phát huy tinh thần tôn trọng pháp luật” [12, tr.136], khơi dậy và phát huy một truyền thống văn hóa pháp luật đã từng có trong lịch sử.

*Ba là, Một nhà nước quản lý theo chế độ pháp quyền tất yếu phải có một tầm vóc văn hóa, đảm bảo các cơ sở đạo đức cho sự tồn tại của nó được thừa nhận và lưu truyền cũng như những giá trị đạo đức cơ bản, phải được lấy làm chỗ dựa cho việc xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật trong chế độ mới. Mục tiêu văn hóa của CNXH là tạo tiền đề hiện thực để phát triển hài hòa và phong phú cho con người, “vì thế, nhiệm vụ lịch sử đầu tiên trong mục tiêu văn hóa của chủ nghĩa xã hội là khắc phục những hạn chế về văn hóa của các xã hội trước kia” [15, tr.117]. Vì vậy, cùng với nâng cao hiểu biết và nhu cầu tuân thủ pháp luật, việc tăng cường giáo dục đạo đức sẽ góp phần hình thành những chuẩn mực ứng xử văn hóa, văn minh giữa con người với con người, nâng cao hiệu quả quản lý và lãnh đạo các quan hệ xã hội. Trong điều kiện xây dựng nhà nước*

pháp quyền, tuy có vai trò là công cụ điều chỉnh hàng đầu các quan hệ xã hội, song pháp luật chỉ có thể pháp huy được sức mạnh của mình khi kết hợp với các công cụ điều chỉnh khác, đặc biệt là đạo đức. Ở đó, sự kết hợp giá trị của pháp luật với giá trị của đạo đức là một nguyên tắc trong xây dựng môi trường văn hóa pháp lý; là cơ sở để “hình thành hệ giá trị và chuẩn mực xã hội phù hợp với truyền thống, bản sắc dân tộc và yêu cầu của thời đại” [16, tr.113].

### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Xuân Tùng, *Đẩy mạnh xây dựng NNQP XHCN Việt Nam dưới ánh sáng đại hội Đảng lần thứ XI*  
[http://moj.gov.vn/BTP\\_UserControls/NewsBTP/pFormPrintBTP.aspx?UrlListProcess=/ct/tintuc/Lists/Nghinh%20cu%20trao%20i&ListId=02795d04-4013-4137-aa46-447acd7f3860&SiteId=ec9fcd69-4db2-4651-982b-a3120dd1d9b0&ItemID=4376&OptionLogo=0&SiteRootID=63d81917-c1c4-48e4-bebb-f2afcd9691e5](http://moj.gov.vn/BTP_UserControls/NewsBTP/pFormPrintBTP.aspx?UrlListProcess=/ct/tintuc/Lists/Nghinh%20cu%20trao%20i&ListId=02795d04-4013-4137-aa46-447acd7f3860&SiteId=ec9fcd69-4db2-4651-982b-a3120dd1d9b0&ItemID=4376&OptionLogo=0&SiteRootID=63d81917-c1c4-48e4-bebb-f2afcd9691e5)
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001
- [3] Vũ Hữu Ngoạn (Chủ biên), *Tìm hiểu một số khái niệm trong văn kiện đại hội IX của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [7] Phan Huy Lê, *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*. Báo cáo đề tài KX 07-02, Phần Mở đầu.
- [8] Đại học quốc gia Hà Nội (Trường Đại học KHXH và NV- Khoa Luật): *Giáo trình Lịch sử các học thuyết chính trị*.
- [9] Tạ Văn Tài, *Pháp quyền trong pháp luật truyền thống của Việt Nam và Trung Quốc cổ, Việt Nam học - Kỷ yếu hội thảo lần thứ nhất*.
- [10] Đào Duy Anh: *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2002.

- [11] Vũ Minh Giang, Lịch sử Việt Nam - truyền thống và hiện đại, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009.
- [12] Văn Tạo, Chúng ta kế thừa di sản nào, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2007.
- [13] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
- [14] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (khóa VII), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1991.
- [15] Đỗ Huy, Văn hóa và phát triển, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
- [16] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

## Vietnam Socialist Legitimate State Construction: Its Traditional and Current Impacts

Do Duc Minh, Trinh Thi Dung

*VNU Inspection and Legislation Department, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** The article overviews the formation and development of the ideology on Vietnam Socialist Legitimate State; analyzes and clarifies both traditional and current impacts of the state's construction and proposes measures to quicken the construction of Vietnam Socialist Legitimate State.

**Keywords:** Socialist Legitimate State, traditional, current.